

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **89/2020/HS-PT**

Ngày: 25/11/2020

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Võ Việt Minh

*Các Thẩm phán:*

Ông Nguyễn Hồng Thái

Ông Vũ Đức Hùng

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Hưng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hoàn - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 56/2020/TLPT-HS ngày 13 tháng 7 năm 2020 đối với bị cáo Nguyễn Văn T, do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 32/2020/HS-ST ngày 19 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện H.

**- Bị cáo có kháng cáo:**

Họ và tên: **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1997. Tại: Bình Thuận.

Đăng ký HKTT và chỗ ở: Thôn Đ, xã Đ1, huyện H, tỉnh Bình Thuận; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 9/12; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Thiên Chúa Giáo; Con ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1960 và bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1965; Gia đình có 04 chị em, T là con út.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 04/4/2018. Nguyễn Văn T bị Công an xã Đ1 ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 0007529/QĐ-XPVPHC về hành vi ném vật khác vào người khác, hình thức phạt tiền, mức phạt 750.000 đồng.

Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

*- Người bào chữa cho bị cáo:*

1. Luật sư Trần Văn Đ2, Công ty luật TNHH MTV Bình Thuận, địa chỉ: 5C T2, thành phố P, tỉnh Bình Thuận. Vắng mặt.

2. Luật sư Hoàng Cao S, Công ty Luật TNHH Hoàng Việt Luật, địa chỉ: số B H, Phường T3, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Có mặt.

*- Bị hại:*

1. Bà Trần Thị Q, sinh năm 1978. Nơi cư trú: Thôn Đ, xã Đ1, huyện H, tỉnh Bình Thuận. Có mặt.

*Người đại diện theo pháp luật cho bà Trần Thị Q:* Ông Trần Văn H1, sinh năm 1968; Nơi cư trú: thôn Đ, xã Đ1, huyện H, tỉnh Bình Thuận. Có mặt.

2. Bà Nguyễn Thị Kim M, sinh năm 1975 và ông Trần Thanh Q, sinh năm 1969. Nơi cư trú: Ấp M2, đường H3, thị trấn S2, huyện T3, tỉnh Đồng Tháp.

*Người đại diện theo ủy quyền của ông Trần Thanh Q:* Bà Nguyễn Thị Kim M, sinh năm 1975. Theo Giấy ủy quyền số chứng thực 16, quyền số 01/2020-SCT/CK,ĐC ngày 14/02/2020 tại Văn phòng công chứng Bùi Đức Giang. Có mặt bà M.

*- Người làm chứng:*

1. Ông Nguyễn Thanh S1, sinh năm 1989. Vắng mặt.

2. Bà Huỳnh Ngọc Thu N1, sinh năm 1994. Vắng mặt.

3. Ông Nguyễn Văn P1, sinh năm 1964. Vắng mặt.

4. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1964. Có mặt.

5. Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1960. Có mặt.

5. Ông Đặng Nhật L, sinh năm 1987. Vắng mặt.

6. Ông Vũ Văn C1, sinh năm 1967. Vắng mặt.

7. Bà Nguyễn Thị N1, sinh năm 1968. Có mặt.

8. Ông Trần Thanh Q, sinh năm 1976. Có mặt.

9. Bà Lâm Thị Bé B1, sinh năm 1987. Có mặt.

10. Ông Nguyễn Hoàng M1, sinh năm 1981. Có mặt.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Theo án sơ thẩm và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:*

Trần Thị Q là người bị bệnh lý Rối loạn trầm cảm tái diễn giai đoạn vừa, bị hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi. Vào tháng 3/2018, giữa Q và bị cáo Nguyễn Văn T có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do con trai của Q đến nhà T chơi và ngủ lại. Trần Thị Q không đồng ý có đến chửi thì bị Nguyễn Văn T đánh một bạt tai. Đến khoảng 07 giờ 30 phút ngày 28/8/2019, Trần Thị Q dắt xe mô tô đến tiệm sửa xe của ông Nguyễn Thanh S1 ở cùng thôn để vá xe. Thấy Nguyễn Văn T cũng đang sửa xe mô tô tại đây, Trần Thị Q nói “Thằng mặt L” nhiều lần và nhặt lấy 01 cây kéo và 01 tuốc nơ vít cầm trên hai tay. Nghe Trần Thị Q nói vậy, Nguyễn Văn T nói: “Đ.M bà cái gì xong rồi thì thôi đi” Trần Thị Q cầm kéo và tuốc nơ vít đến gần Nguyễn Văn T và tiếp tục chửi, thì bị Nguyễn Văn T nhặt lấy cây gỗ hình chữ nhật, kích thước (72 x 3 x 4)cm, đánh nhiều cái vào hai tay trái, tay phải, bả vai phải của Trần Thị Q làm rơi kéo và tuốc nơ vít xuống đất. Bị đánh, Trần Thị Q chạy vào nhà Nguyễn Thanh S1 lấy 01 cây mỏ lết định ném về phía Nguyễn Văn T nhưng được Huỳnh Ngọc Thu N1 là vợ anh Nguyễn Thanh S1 can ngăn. Nguyễn Văn T bỏ về nhà, Trần Thị Q được đưa đi điều trị thương tích tại Bệnh viện II - Lâm Đồng.

Đến khoảng 19 giờ 00 phút ngày 01/9/2019, Trần Thanh Q là anh ruột của Trần Thị Q cùng vợ là Nguyễn Thị Kim M và lái xe là Nguyễn Hoàng M1 từ thị trấn S2, huyện T2, tỉnh Đồng Tháp đến nhà Trần Thị Q bằng xe ô tô biển số 66A-XXXXXX. Tại đây, thấy tay của Trần Thị Q bị thương nên Q hỏi thì được biết bị Nguyễn Văn T đánh trước đó. Q bảo chỉ nhà của T để đến nói chuyện. Sau đó, Trần Thị Q điều khiển xe mô tô chạy đi trước, Trần Thanh Q và Trần Văn H1 là chồng Trần Thị Q đi theo sau, Nguyễn Hoàng M1 điều khiển xe ô tô, biển số 66A-XXXXXX chở Nguyễn Thị Kim M đến sau. Thấy có đông người đến trước sân nhà, Nguyễn Thị N1 là mẹ ruột của Nguyễn Văn T từ trong nhà đi ra, thì Trần Thanh Q hỏi: “T có ở nhà không?” Nguyễn Thị N1 trả lời: “T đi chơi, không có ở nhà”. Thời gian này, Nguyễn Văn T đang uống rượu ở gần đó nghe nói có nhiều người đến nhà nên đi về. Khi về nhà, thấy có đông người trước sân, Nguyễn Văn T vào nhà lấy đoạn sắt chạy ra thì được cha mẹ và những người khác can ngăn, giật đoạn sắt ném đi nơi khác. Nguyễn Văn T tiếp tục lấy 01 đoạn tre dài 1,03m, đầu ngọn đường kính 1,80cm, được vát thành 03 mũi nhọn, đường kính gốc 4cm, chạy đến gần xe ô tô biển số 66A-XXXXXX đang

đậu trước nhà. Trần Thanh Q vừa hỏi: “Tại sao đánh em tao?” thì được Nguyễn Hoàng M1 và Nguyễn Thị Kim M kéo vào xe ô tô đóng cửa lại. Nguyễn Văn T áp sát vào xe ô tô dùng tay phải đập vào kính cửa hông bên trái nói: “Đ.M thằng nào không liên quan thi biến đi chỗ khác”, rồi dùng đoạn tre đập mạnh làm bể kính chắn gió phía trước và kính cốp sau xe ô tô, biển số 66A-XXXXX, thấy vậy Nguyễn Hoàng M1 điều khiển xe ô tô chạy đi nơi khác.

Ngày 02/9/2019, Trần Thanh Q có yêu cầu xử lý hình sự đối với Nguyễn Văn T làm hư hỏng tài sản là xe ô tô, biển số 66A-XXXXX.

Ngày 19/9/2019, Trần Thị Q có đơn đề nghị khởi tố Nguyễn Văn T về hành vi dùng đoạn cây đánh mình gây thương tích.

Kết luận giám định pháp y về thương tích số: 389/2019/TgT ngày 09/10/2019 của Trung tâm pháp y tỉnh Bình Thuận, kết luận thương tích của Trần Thị Q như sau:

- Bầm tụ máu vai phải, đã được điều trị hiện không còn dấu vết. Không đủ cơ sở xác định tỉ lệ tổn thương cơ thể.

- Bầm tụ máu dưới da cánh tay phải đã được điều trị hiện không còn dấu vết. Không đủ cơ sở xác định tỉ lệ tổn thương cơ thể.

- Bầm tụ máu dưới da cánh tay trái, đã được điều trị hiện không còn dấu vết. Không đủ cơ sở xác định tỉ lệ tổn thương cơ thể.

- Sưng nề khuỷu tay trái hiện không còn dấu vết. Không đủ cơ sở xác định tỉ lệ tổn thương cơ thể.

- Xây xát da mặt mu ngón tay IV bàn tay trái hiện để lại sẹo lành, kích thước  $(0,5 \times 0,2)\text{cm}$ . Tỉ lệ tổn thương cơ thể là: 01%.

Tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là: 01%.

- + Vết xây xát bàn tay trái do vật tày gây ra.

- + Vết xây xát bàn tay trái có chiều hướng tác động theo tư thế cơ năng của cơ thể với vật gây thương.

Bản kết luận giám định pháp y tâm thần số: 724/KL-VPYTW ngày 30/12/2019 của Viện pháp y tâm thần Trung ương Biên Hòa, kết luận:

Trước, trong, sau khi bị hại và hiện nay: Đang sự bị bệnh rối loạn trầm cảm tái diễn giai đoạn vừa (F33.1 - ICD.10). Về khả năng nhận thức và điều khiển hành vi: Đang sự bị hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi

Kết luận định giá số 76/2019/HĐĐGTT ngày 15/10/2019 của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự huyện H, kết luận:

01 xe ô tô, biển số: 66A-XXXXX: Loại 07 chỗ ngồi, mua vào tháng 4/2018, hiệu FORD, màu sơn trắng, nước sản xuất: Mỹ, năm sản xuất: 2017.

1. Kính chắn gió trước: Bị vỡ, hư hỏng, kích thước: 70cm × 60cm.

Giá trị tại thời điểm xảy ra vụ việc là: 17.941.000 đồng, giá trị sử dụng còn lại là 85%. Thành tiền:  $17.941.000 \text{ đồng} \times 85\% = 15.249.850 \text{ đồng}$ .

\* Kính cửa sau xe: Bị vỡ, hư hỏng, kích thước: 25cm × 15cm.

Giá trị tại thời điểm xảy ra vụ việc là: 23.463.000 đồng, giá trị sử dụng còn lại là 85%. Thành tiền:  $23.463.000 \text{ đồng} \times 85\% = 19.943.550 \text{ đồng}$ .

\* Kính cửa sau hông bên trái: Bị xước, trầy, mất thẩm mỹ, kích thước: 7cm × 0,1 cm.

Giá trị tại thời điểm xảy ra vụ việc là: 9.476.500 đồng, giá trị sử dụng còn lại là 85%. Thành tiền:  $9.476.500 \text{ đồng} \times 85\% = 8.055.025 \text{ đồng}$ .

\* Miếng pad kính chắn gió: Giá trị tại thời điểm xảy ra vụ việc là: 764.500 đồng, giá trị sử dụng còn lại là 85%. Thành tiền:  $764.500 \text{ đồng} \times 85\% = 649.825 \text{ đồng}$ .

\* Bộ keo dán kính: Giá trị tại thời điểm xảy ra vụ việc là: 2.785.200 đồng, giá trị sử dụng còn lại là 85%. Thành tiền:  $2.785.200 \text{ đồng} \times 85\% = 2.367.420 \text{ đồng}$ .

\* Tiền công: 5.500.000 đồng.

Tổng trị giá tài sản bị thiệt hại là **51.765.670 đồng**.

Vật chứng thu giữ: 01 đoạn gỗ hình chữ nhật, kích thước (72 x 3 x 4)cm; 01 đoạn tre dài 1,03m, đầu ngọn đường kính 1,80cm, được vót thành 03 mũi nhọn, đường kính gốc 4cm.

Về dân sự:

Trần Văn H1 là người đại diện theo pháp luật và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Trần Thị Q yêu cầu bồi thường tổng số tiền 25.573.070 đồng, gồm: tiền thuốc điều trị là 1.573.070 đồng, tiền mất thu nhập 30 ngày x 300.000 đồng/ngày = 9.000.000 đồng, tổn thất tinh thần là 15.000.000 đồng. Bị cáo T đã bồi thường số tiền 3.573.050 đồng.

Nguyễn Thị Kim M đại diện chủ sở hữu tài sản yêu cầu bồi thường thiệt hại xe ô tô biển số 66A-XXXXX là 59.317.000 đồng, gồm: kính chắn gió phía trước là

17.925.600 đồng, kính cốp sau là 23.452.000 đồng, bộ keo dán kính là 2.765.400 đồng, miếng pad kính chắn gió là 755.700 đồng, kính cửa sau là 9.468.800 đồng, tiền công là 4.950.000 đồng. Nguyễn Văn T đã bồi thường thiệt hại xe ô tô biển số 66A-XXXXX số tiền 43.700.000 đồng. Tuy nhiên tại phiên tòa, bà M yêu cầu bị cáo T bồi thường giá trị tài sản bị hư hỏng 85% với tổng số tiền thiệt hại xe ô tô là 51.765.670 đồng và chi phí đi lại số tiền 8.000.000 đồng. Tổng cộng: 59.765.670 đồng

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 32/2020/HS-ST ngày 19 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện H đã quyết định:

Căn cứ vào Điểm a Khoản 1 Điều 134; Khoản 1 Điều 178, Điểm b, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điểm k Khoản 1 Điều 52, Điều 50, Điều 54 và Điều 55 Bộ luật Hình sự.

**Tuyên bố:** Bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Cố ý gây thương tích” và “Cố ý làm hư hỏng tài sản”

**Xử phạt:** Bị cáo Nguyễn Văn T 03 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích” và 06 tháng tù về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”

Tổng hợp hình phạt chung cả hai tội buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải chấp hành là 09 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên các quyết định khác về xử lý vật chứng, bồi thường dân sự, án phí và thông báo quyền kháng cáo.

Ngày 28 tháng 5 năm 2020, bị cáo Nguyễn Văn T kháng cáo cho rằng Tòa án nhân dân huyện H kết án bị cáo tội “Cố ý gây thương tích” là oan và xin được hưởng án treo tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”.

Ngày 29 tháng 5 năm 2020, bị hại Nguyễn Thị Kim M kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử bị cáo Nguyễn Văn T về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản” theo quy định tại khoản 2 Điều 178 Bộ luật Hình sự để tăng hình phạt và buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải bồi thường cho bà thiệt hại về tài sản và chi phí đi lại với số tiền 59.765.670 đồng.

*Tại phiên tòa phúc thẩm:*

- *Ý kiến của bị cáo:* Giữ nguyên nội dung kháng cáo.

- *Ý kiến của luật sư bào chữa cho bị cáo:* Đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm vì các cơ quan tiến hành tố tụng không yêu cầu Tòa án tuyên bố bà Q hạn

chế năng lực hành vi và cử người giám hộ; Việc bị cáo gây thương tích cho bị hại thuộc trường hợp phòng vệ chính đáng nên bị cáo không phạm tội cố ý gây thương tích.

- *Ý kiến của bị hại Nguyễn Thị Kim M:* Giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

- *Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:*

Kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn T, bị hại Nguyễn Thị Kim M không có căn cứ chấp nhận nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về kháng cáo của bị cáo và lời bào chữa của Luật sư cho rằng việc bị cáo gây thương tích cho bị hại thuộc trường hợp phòng vệ chính đáng nên bị cáo không phạm tội cố ý gây thương tích, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Theo Cáo trạng và nội dung của bản án sơ thẩm thì: Giữa bị cáo Nguyễn Văn T và bị hại Trần Thị Q có mâu thuẫn từ trước, bị hại Q gặp bị cáo ở đâu cũng chửi mắng, nên vào khoảng 07 giờ 30 phút ngày 28/8/2019, bị hại Trần Thị Q dắt xe mô tô đến tiệm sửa xe của Nguyễn Thanh S1 ở cùng thôn để vá xe, thấy Nguyễn Văn T cũng đang sửa xe mô tô tại đây, bị hại Q nói “Thằng mặt L” nhiều lần và nhặt lấy 01 cây kéo và 01 tuốc nơ vít cầm trên hai tay đến gần bị cáo và tiếp tục chửi. Do không kiềm chế được nên bị cáo Nguyễn Văn T nhặt lấy cây gỗ hình chữ nhật, kích thước (72 x 3 x 4cm), đánh nhiều cái vào hai tay trái, tay phải, bả vai phải của bị hại Q gây thương tích cho bị hại với tỷ lệ thương tật 1%.

Tuy nhiên, theo Biên bản ghi nhận sự việc, do Công an xã Đ1 lập hồi 08 giờ 30 phút ngày 28 tháng 8 năm 2019 tại tiệm sửa xe của ông Nguyễn Thanh S1; Báo cáo số 44/BC-CAX ngày 19 tháng 9 năm 2019 của Công an xã Đ1 về việc Nguyễn Văn T gây thương tích cho Trần Thị Q; Thông báo số 570 ngày 24 tháng 9 năm 2019 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H về việc tiếp nhận tin báo tội phạm; Thông báo số 730 ngày 22 tháng 10 năm 2019 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H về kết quả giải quyết tin báo tội phạm và các lời khai của bị cáo, bị hại đều thể hiện: Sau khi hai bên chửi nhau qua lại, thấy bà Q cầm một cây kéo và một

cây tuốc nơ vít trên tay, Nguyễn Văn T đã dùng cây gỗ đánh nhiều cái vào hai tay và bả vai phải gây thương tích cho bà Q.

Khoản 1 Điều 22 Bộ luật hình sự năm 2015 quy định: *“Phòng vệ chính đáng là hành vi của người vì bảo vệ quyền hoặc lợi ích chính đáng của mình, của người khác hoặc lợi ích của Nhà nước, của cơ quan, tổ chức mà chống trả lại một cách cần thiết người đang có hành vi xâm phạm các lợi ích nói trên”*.

Theo quy định trên thì chỉ được coi là phòng vệ chính đáng khi thực hiện hành vi chống trả lại hành vi tấn công; hành vi tấn công phải có thật và đang diễn ra; giữa hành vi phòng vệ và hành vi tấn công phải có sự tương xứng.

Trong trường hợp này, không có căn cứ cho rằng bà Q có hành vi tấn công bị cáo. Sau khi hai bên chửi nhau qua lại bị cáo đã dùng hung khí đánh bị hại gây thương tích. Cho nên, việc bị cáo và Luật sư cho rằng bị cáo gây thương tích cho bị hại thuộc trường hợp phòng vệ chính đáng là không có căn cứ. Nên Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng điểm a khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự xét xử về tội “Cố ý gây thương tích” là phù hợp.

[2] Về kháng cáo của bị cáo và lời bào chữa của Luật sư đề nghị cho hưởng án treo tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Tại Khoản 4 Điều 3 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Hội đồng thẩm phán tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn áp dụng điều 65 của bộ luật hình sự về án treo quy định về những trường hợp không cho hưởng án treo: “Người phạm tội bị xét xử trong cùng một lần về nhiều tội”.

Trong vụ án này, bị cáo bị xét xử về “Cố ý gây thương tích” và tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản” tức bị xét xử trong cùng một lần về nhiều tội, nên thuộc trường hợp không cho hưởng án treo.

[3] Về kháng cáo của bị hại đề nghị xét xử bị cáo Nguyễn Văn T về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản” theo quy định tại khoản 2 Điều 178 Bộ luật Hình sự để tăng hình phạt và buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải bồi thường cho bà thiệt hại về tài sản và chi phí đi lại với số tiền 59.765.670 đồng, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[3.1] Về yêu cầu tăng hình phạt: Kết luận định giá số 76/2019/HĐĐGTT ngày 15/10/2019 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện H xác định xe ô tô biển số 66A-XXXXX bị hư hỏng: Kính chắn gió trước bị vỡ, hư hỏng, thiệt hại 15.249.850 đồng; Kính cửa sau bị vỡ, hư hỏng, thiệt hại 19.943.550 đồng; Kính cửa



sau hông bên trái bị xước, trầy, thiệt hại 8.055.025 đồng; Miếng pad kính chắn gió hư hỏng thiệt hại 649.825 đồng; Bộ keo dán kính 2.367.420 đồng và tiền công sửa chữa 5.500.000 đồng. Tổng trị giá tài sản bị thiệt hại là 51.765.670 đồng.

Do không đủ căn cứ xác định bị cáo đập kính cửa sau hông bên trái gây thiệt hại 8.055.025 đồng nên cấp sơ thẩm xác định giá trị thiệt hại về tài sản 43.710.645 đồng và áp dụng khoản 1 Điều 178 Bộ luật Hình sự để xét xử bị cáo là phù hợp.

Khoản 1 Điều 178 Bộ luật Hình sự quy định về Tội hủy hoại hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản quy định: *“Người nào hủy hoại hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng... thì bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”*.

Bị cáo cố ý làm hư hỏng tài sản của người khác trị giá 43.710.645 đồng, gần mức cao nhất của khung hình phạt nhưng Tòa án cấp sơ thẩm chỉ xử phạt bị cáo ở mức khởi điểm (06 tháng tù) là không tương xứng với tính chất, mức độ và hậu quả của hành vi phạm tội. Cho nên, kháng cáo của bị hại yêu cầu tăng hình phạt đối với bị cáo là có cơ sở chấp nhận.

[3.2] Về yêu cầu tăng mức bồi thường: Bị cáo gây thiệt hại cho bị hại số tiền 43.710.645 đồng như nhận định trên, cấp sơ thẩm đã buộc bị cáo bồi thường toàn bộ thiệt hại nên không có căn cứ chấp nhận tăng mức bồi thường của bị hại.

[4] Về ý kiến của luật sư bào chữa cho bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm vì các cơ quan tiến hành tố tụng không yêu cầu Tòa án tuyên bố bà Q hạn chế năng lực hành vi và cử người giám hộ là không có cơ sở, bởi lẽ:

Khoản 5 Điều 62, Bộ luật tố tụng hình sự quy định: *“Trường hợp bị hại chết, mất tích, bị mất hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự thì người đại diện thực hiện quyền và nghĩa vụ của người bị hại quy định tại Điều này”*.

Khoản 3 Điều 24, Luật Hôn nhân và Gia đình quy định: *“Vợ, chồng đại diện cho nhau khi một bên mất năng lực hành vi dân sự mà bên kia có đủ điều kiện làm người giám hộ hoặc khi một bên bị hạn chế năng lực hành vi dân sự mà bên kia được Tòa án chỉ định làm người đại diện theo pháp luật cho người đó, trừ trường hợp theo quy định của pháp luật thì người đó phải tự mình thực hiện quyền, nghĩa vụ có liên quan”*.

Do bà Trần Thị Q bị hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi, nên tại giai đoạn điều tra, ngày 03 tháng 01 năm 2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã ra Thông báo số 25 cử ông Trần Văn H1 (chồng bà Q) làm người đại diện theo pháp luật và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Trần Thị Q. Tòa án cấp sơ thẩm cũng đã chỉ định ông Trần Văn H1 tham gia tố tụng với tư cách người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại Trần Thị Q, là phù hợp với các quy định trên cũng như quy định tại điểm b khoản 2 Điều 84 Bộ luật tố tụng hình sự. Yêu cầu hủy án sơ thẩm của luật sư bào chữa cho bị cáo là không có cơ sở.

Cho nên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo; chấp nhận một phần kháng cáo của bị hại, sửa bản án sơ thẩm, tăng hình phạt đối với bị cáo, như đã nhận định trên là phù hợp.

[5] Do kháng cáo của bị cáo không được chấp nhận nên bị cáo phải nộp án phí hình sự phúc thẩm; kháng cáo của bị hại được chấp nhận nên bị hại không phải nộp án phí phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực nên Tòa án cấp phúc thẩm không xem xét.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355, điểm a, b khoản 2 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn T. Chấp nhận một phần kháng cáo của bị hại bà Nguyễn Thị Kim M. Sửa phần hình phạt của bản án hình sự sơ thẩm số 32/2020/HS-ST ngày 19 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện H.

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 134; khoản 1 Điều 178; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm k khoản 1 Điều 52; Điều 50; Điều 54 và Điều 55 Bộ luật Hình sự.

1. **Tuyên bố:** Bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Cố ý gây thương tích” và tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”.

2. **Xử phạt:** Bị cáo Nguyễn Văn T 03 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích” và 12 tháng tù về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”. Tổng hợp hình phạt chung cả hai tội buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải chấp hành là 15 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình

phạt tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án hình sự.

**3. Về trách nhiệm dân sự:** Căn cứ Điều 275, 584, 585, 589, 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 03/2006/NQ-HĐTP ngày 08/7/2006 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải bồi thường cho bà Nguyễn Thị Kim M và ông Trần Thanh Q số tiền 43.711.000 đồng (bốn ba triệu bảy trăm mười một nghìn đồng). Tiếp tục tạm giữ số tiền 43.700.000 đồng bị cáo đã nộp theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 18 tháng 02 năm 2020, của Chi cục thi hành án dân sự huyện H.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

**4. Về án phí:** Áp dụng Điều 135 và Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm, 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm và 2.185.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị Kim M phải nộp 802.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Bà Nguyễn Thị Kim M không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm. Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Kim M 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0006058 ngày 05 tháng 6 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (25/11/2020).

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Bình Thuận;
- VKS, CA, TA, THA huyện H;
- Sở tư pháp tỉnh Bình Thuận;
- Những người tham gia tố tụng;
- PV06 – Công an tỉnh Bình Thuận;
- Tổ HCTP – TAND tỉnh Bình Thuận;
- Lưu: Hồ sơ, Tòa hình sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(đã ký)**

**Võ Việt Minh**